

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thuê tư vấn định giá đất để thanh toán phần kinh phí còn lại theo Quyết định số 4651/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước; số 136/2017/TTBTC ngày 22/12/2017 quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4651/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020;

Theo đề nghị Sở Tài chính tại Công văn số 6009/STC-HCSN ngày 13/11/2020; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 7704/STNMT-TCKH ngày 09/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thuê tư vấn định giá đất để thanh toán phần kinh phí còn lại theo Quyết định số 4651/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của

Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020, với các nội dung sau:

1. Kinh phí thuê tư vấn định giá còn lại, bổ sung đợt này: 2.605.823.000 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn*).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2020.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan.

2. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung có liên quan và hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

(MC210.11.20)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC

Dự toán kinh phí thuê tư vấn định giá đất để thanh toán phần kinh phí còn lại theo Quyết định số 4651/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)
Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên dự án	Dự kiến kinh phí thuê tư vấn thẩm định giá còn lại
	TỔNG	2.605.823.000
I	THÀNH PHỐ THANH HÓA	
1	Khu nhà ở xã hội AMC I	35.531.000
2	Nhà ở công nhân Khu công nghiệp và đô thị Hoàng Long	45.000.000
3	Khu nhà ở thương mại Nam đường Nguyễn Phục tại phường Quảng Thắng và phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa (đợt 1)	70.000.000
4	Khu dân cư và dịch vụ thương mại thuộc Khu đô thị Nam cầu Hạc, thành phố Thanh Hóa	30.000.000
5	Khu dân cư đô thị	39.080.000
6	dự án Tổ hợp dịch vụ, hội nghị và sự kiện tại phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá	28.000.000
7	Dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	35.000.000
8	Dự án xây dựng khu nhà ở chung cư thuộc MBQH số 7180/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 (điều chỉnh MBQH số 2424/UBND-QLĐT ngày 09/6/2011)	41.000.000
9	Khu dân cư Bắc đường Nguyễn Công Trứ (đất ở 8,6 ha, đất thương mại 4 ha)	76.000.000
10	Khu dân cư xóm Bắc Sơn 1	49.000.000
11	Khu dân cư dọc 2 bên đường dự án CSEDP thuộc KĐT Đông Sơn TTPH	37.000.000
12	Khu dân cư và thương mại dịch vụ lô A-TM3	45.000.000
13	Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam	32.000.000
14	Khu dân cư phía Đông đường CSEDP thuộc Khu dân cư Tây Nam đường Nguyễn Phục (đất ở 7,5 ha, đất thương mại 4 ha)	90.000.000
15	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa	32.539.000
16	Đầu giá quyền sử dụng đất trường tiểu học	33.637.000
17	Đầu giá quyền sử dụng đất Trường THCS	35.957.000
18	Trung tâm dưỡng lão Phúc Thịnh	44.100.000
19	Nhà cao tầng kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí văn hóa	31.264.000
20	Trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ	35.000.000
21	Chợ Thành Mai	37.891.000
II	THÀNH PHỐ SẦM SƠN	
22	Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ Ngân hàng phát triển Việt Nam	30.000.000
23	Dự án khu đô thị FLC Sầm Sơn (mở rộng)	56.600.000
24	Khu du lịch sinh thái biển Đông Á	56.300.000

TT	Tên dự án	Dự kiến kinh phí thuê tư vấn thẩm định giá còn lại
25	Khu dân cư khu phố Đồng Xuân	68.000.000
26	Khu dân cư khu phố Bình Sơn	56.700.000
27	Khu dân cư khu phố Châu Bình	64.700.000
28	Khu dân cư tây đường ven biển	49.000.000
29	Khu dịch vụ thương mại dịch vụ du lịch cộng đồng	32.384.000
III	THỊ XÃ BỈM SƠN	
30	Công ty cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.	99.550.000
31	Công ty TNHH Dương Đức Hưng	69.021.000
IV	THỊ XÃ NGHI SƠN	
32	Khu du lịch khách sạn dịch vụ ven biển tại khu kinh tế Nghi Sơn	72.408.000
33	Nhà máy sản xuất giấy Annora tại khu kinh tế Nghi Sơn	55.529.000
34	Khu du lịch biển Hải Hòa	74.000.000
V	HUYỆN HOÀNG HÓA	
35	Dự án Khu dân cư thương mại và chợ Vực (Công ty Cổ phần Đầu tư Lightland)	43.000.000
36	Cụm công nghiệp Thái Thắng	70.000.000
37	Khu dân cư thương mại và chợ Vực	41.162.000
VI	HUYỆN QUẢNG XUONG	
38	Dự án du lịch thể thao sinh thái núi Tiên Trang	60.500.000
VII	HUYỆN THỌ XUÂN	
39	Xây dựng Khu resort Sao Mai Thanh Hóa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân	98.000.000
40	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Lộc Linh	34.180.000
41	Công ty TNHH Vạn Xuân Group	36.324.000
42	Khu Thương mại dịch vụ	38.000.000
VIII	HUYỆN YÊN ĐỊNH	
43	Nhà máy sản xuất tất và đồ lót cao cấp	62.656.000
44	Khu Thương mại dịch vụ	58.800.000
IX	HUYỆN ĐÔNG SƠN	
45	Dự án Khu dân cư OM 19, HH23	43.500.000
46	Khu dân cư HH-16 (trước bệnh viện)	40.000.000
47	Khu dân cư khu giáp trường cấp III (HH17)	45.000.000
48	Khu vui chơi giải trí kết hợp dịch vụ thương mại	37.900.000
49	Chợ Tân Thành	5.000.000
X	HUYỆN TRIỆU SƠN	
50	Khu thương mại dịch vụ Lộc Trạch 1	43.800.000
XI	HUYỆN NHƯ XUÂN	

TT	Tên dự án	Dự kiến kinh phí thuê tư vấn thẩm định giá còn lại
51	Chợ Yên cát (MBQH số 2503/QĐ-UBND ngày 09/12/2019)	40.000.000
xii	HUYỆN CẨM THỦY	
52	Dự án khu Trung tâm thương mại và nhà ở	39.300.000
53	Khu dịch vụ thương mại xóm Giếng Cao thôn Đồng Chạ, thôn Dương Huệ	45.500.000
xiii	HUYỆN NGỌC LẶC	
54	Đấu giá quyền sử dụng đất dự án Khu dân cư phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc	36.010.000

Ghi chú: Nhu cầu kinh phí thuê tư vấn thẩm định giá còn thiếu đề nghị bổ sung là số dự kiến còn thiếu theo kế hoạch. Số liệu thực tế thực hiện căn cứ theo hợp đồng nghiệm thu